

Số: 74/QĐ-UBND

Lộc Bồn, ngày 04 tháng 5 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Công bố lại Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 áp dụng tại Ủy ban nhân dân xã Lộc Bồn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số: 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 47/2019/QH14 ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN ngày 10 tháng 10 năm 2014 về qui định chi tiết ban hành Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 12/2015/QĐ-UBND ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc xây dựng, áp dụng, công bố, duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 và hoạt động kiểm tra tại các cơ quan hành chính nhà nước, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 3141/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2022 của UBND tỉnh về việc ban hành Danh mục thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn;

Theo đề nghị của Công chức Văn phòng - Thống kê xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố lại Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 áp dụng tại UBND xã Lộc Bồn (kèm theo danh mục)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế cho Quyết định số 76/QĐ-UBND ngày 20 tháng 7 năm 2022 của UBND xã Lộc Bồn.

Điều 3. Công chức Văn phòng - Thống kê xã, Trưởng Ban chỉ đạo ISO và các công chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Khoa học và Công nghệ (b/c);
- UBND huyện (b/c);
- Phòng Nội vụ huyện (b/c);
- TV Đảng ủy xã;
- TT HĐND- UBND- UBMT xã;
- Trang TTĐT xã;
- Lưu: VT, BCĐ ISO.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đức Phú

DANH MỤC
CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CỦA UBND XÃ ĐƯỢC CÔNG BỐ PHÙ
HỢP TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN ISO 9001:2015
(Ban hành kèm theo Quyết định số 74 /QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2023
của Chủ tịch UBND xã)

Ủy ban nhân dân xã xây dựng và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 cho việc thực hiện các thủ tục hành chính theo chức năng nhiệm vụ gồm: 23 Quy trình Hệ thống và nội bộ; 184 Quy trình thủ tục hành chính (trong đó: 110 Quy trình một cửa và 74 Quy trình một cửa liên thông), cụ thể:

STT	TÊN QUY TRÌNH
A	QUY TRÌNH HỆ THỐNG VÀ QUI TRÌNH NỘI BỘ
I	Quy trình hệ thống
1.	Sổ tay chất lượng
2.	Quy trình kiểm soát tài liệu
3.	Quy trình kiểm soát hồ sơ
4.	Quy trình đánh giá nội bộ
5.	Quy trình kiểm soát sự không phù hợp
6.	Quy trình hành động khắc phục
7.	Quy trình hành động phòng ngừa
8.	Quy trình quản lý rủi ro
II	Quy trình nội bộ
9.	Quy trình đăng ký, xây dựng chương trình công tác
10.	Quy trình Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức
11.	Quy trình Quản lý văn bản đến
12.	Quy trình Quản lý văn bản đi
13.	Quy trình Thanh toán
14.	Quy trình Quản lý tài sản
15.	Quy trình Đăng ký sử dụng tài sản
16.	Quy trình mua sắm, bảo trì, sửa chữa tài sản
17.	Quy trình lập hồ sơ hiện hành và giao nộp hồ sơ, tài liệu vào lưu trữ cơ quan
18.	Quy trình hợp giao ban
19.	Quy trình tổ chức Hội nghị, hội thảo
20.	Quy trình bổ nhiệm, luân chuyển, điều động cán bộ công chức của cơ quan
21.	Quy trình Xin nghỉ phép
22.	Quy trình Xét thi đua – Khen thưởng
23.	Quy trình phối hợp giữa các đơn vị để giải quyết công việc nội bộ cơ quan
B	QUY TRÌNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
I	Lĩnh vực Hộ tịch: 23 TTHC (18 TT không liên thông; 05 TT liên thông)
	TTHC không liên thông:
1.	Đăng ký khai sinh

2.	Đăng ký kết hôn
3.	Đăng ký nhận cha, mẹ, con
4.	Đăng ký khai sinh kết hợp nhận cha, mẹ, con
5.	Thủ tục đăng ký khai sinh lưu động
6.	Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động
7.	Thủ tục đăng ký khai tử lưu động
8.	Đăng ký khai tử
9.	Đăng ký giám hộ
10.	Đăng ký chấm dứt giám hộ
11.	Đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch
12.	Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân
13.	Đăng ký lại khai sinh
14.	Đăng ký lại kết hôn
15.	Đăng ký lại khai tử
16.	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân
17.	Cấp bản sao trích lục hộ tịch
18.	Xác nhận thông tin hộ tịch
	TTHC liên thông:
19.	Liên thông TTHC về Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú cấp thẻ BH YT cho trẻ em dưới 6 tuổi
20.	Liên thông TTHC về Đăng ký khai sinh, cấp thẻ BH YT cho trẻ em dưới 6 tuổi
21.	Liên thông 3 TTHC về khai tử, xóa thường trú, hưởng chế độ tử tuất/mai táng phí
22.	Liên thông 2 TTHC về khai tử, xóa thường trú
23.	Liên thông 2 TTHC về khai tử, hưởng chế độ tử tuất/mai táng phí
II	Lĩnh vực nuôi con nuôi: 03 TTHC
24.	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước
25.	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước
26.	Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi
III	Lĩnh vực chứng thực: 11 TTHC
27.	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch
28.	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực
29.	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận
30.	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở
31.	Chứng thực văn bản khai nhận di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở
32.	Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản
33.	Chứng thực di chúc
34.	Chứng thực hợp đồng giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở
35.	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch

36.	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ , văn bản
37.	Cấp bản sao từ sổ gốc
IV	Lĩnh vực Phổ biến giáo dục pháp luật: 02 TTHC
38.	Công nhận tuyên truyền viên pháp luật
	Cho miễn nhiệm tuyên truyền viên pháp luật
V	Lĩnh vực hòa giải cơ sở: 04 TTHC
39.	Công nhận hòa giải viên
40.	Công nhận tổ trưởng tổ hòa giải
41.	Thôi làm hòa giải viên
42.	Thanh toán thù lao cho hòa giải viên
VI	Lĩnh vực bồi thường nhà nước: 01 TTHC
43.	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại
VII	Lĩnh vực bảo trợ xã hội: 15 TTHC (07 TT KHÔNG LT VÀ 08 TT LT)
	TTHC không liên thông:
44.	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo phát sinh trong năm
45.	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trong năm
46.	Thủ tục “Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn”
47.	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp giấy xác nhận khuyết tật
48.	Cấp đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật
49.	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở
50.	Xác nhận hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2016-2020 thuộc diện đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế
	TTHC liên thông:
51.	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, huyện
52.	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, huyện
53.	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng
54.	Chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh
55.	Quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, trong và ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
56.	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội
57.	Nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp
58.	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí mai táng
VIII	Lĩnh vực Bảo vệ chăm sóc trẻ em: 06 TTHC

59.	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em
60.	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em
61.	Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.
62.	Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc, thay thế không phải là người thân thích của trẻ em
63.	Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em
64.	Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc, thay thế
IX	Lĩnh vực người có công: 24 TTHC (01 TT KHÔNG LT; 23 TT LT)
	TTHC không liên thông: 01 TTHC
65.	Cấp giấy xác nhận thân nhân của người có công
	TTHC liên thông: 23 TTHC
66.	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với Cựu chiến binh
67.	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với thanh niên xung phong thời kỳ chống Pháp
68.	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang Lào, Căm-pu-chia
69.	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ
70.	Giải quyết chế độ trợ cấp ưu đãi đối với thân nhân liệt sĩ
71.	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”
72.	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng
73.	Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân
74.	Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần
75.	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an
76.	Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an
77.	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý
78.	Cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công do ngành Lao động – TB&XH quản lý và giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ
79.	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng
80.	Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến
81.	Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến
82.	Công nhận và Giải quyết chế độ ưu đãi đối với người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học

83.	Công nhận và Giải quyết hưởng chế độ ưu đãi đối với con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học
84.	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sỹ
85.	Thủ tục giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
86.	Đề nghị tặng, truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”
87.	Công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày
88.	Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế
X	Lĩnh vực Phòng chống tệ nạn xã hội: 04 TTHC (03 KHÔNG LT; 01 LT)
	TTHC không liên thông:
89.	Quyết định quản lý cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình
90.	Quyết định áp dụng biện pháp cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng
91.	Đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện
	TTHC liên thông:
92.	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân
XI	Lĩnh vực đất đai:
	TTHC không liên thông:
93.	Thủ tục hòa giải tranh chấp đất đai tại UBND cấp xã
94.	Cung cấp dữ liệu thông tin đất đai
	TTHC liên thông:
95.	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm
96.	Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế
97.	Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
98.	Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận
99.	Đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề
100.	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất
101.	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu

102.	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu
103.	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất
104.	Đăng ký thay đổi tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp
105.	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở
106.	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định
107.	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng; tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có Giấy chứng nhận.
108.	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất; đăng ký biến động đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp
109.	Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại Trang bổ sung của Giấy chứng nhận do bị mất
110.	Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền
111.	Chuyển nhượng vốn đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất
112.	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu
113.	Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân để thực hiện “dồn điền đổi thửa” (đồng loạt)
114.	Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân
115.	Thủ tục Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu
XII	Lĩnh vực Nông nghiệp: 01 TTHC
116.	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương
XIII	Lĩnh vực Thủy lợi: 03 TTHC
117.	Hỗ trợ đầu tư, xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới

	tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương phân bổ cho UBND cấp xã thực hiện)
118.	Thẩm định, phê duyệt ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã
119.	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền UBND cấp xã
XIV	Lĩnh vực Tôn giáo, tín ngưỡng: 10 TTHC
120.	Đăng ký hoạt động tín ngưỡng
121.	Đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng
122.	Đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung
123.	Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã
124.	Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã
125.	Đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung
126.	Đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã
127.	Đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác
128.	Thông báo về việc thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung
129.	Thông báo tổ chức quyên góp trong địa bàn một xã của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc
XV	Lĩnh vực Thi đua khen thưởng: 4 TTHC
130.	Tặng giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thực hiện nhiệm vụ chính trị
131.	Tặng giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích thi đua theo đợt hoặc theo chuyên đề
132.	Tặng giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích đợt xuất
133.	Xét tặng danh hiệu lao động tiên tiến
XVI	Lĩnh vực Giáo dục - Đào tạo: 05 TTHC
134.	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học
135.	Thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập
136.	Cho phép nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập hoạt động giáo dục trở lại
137.	Sáp nhập, chia, tách nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập
138.	Giải thể nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập)
XVII	Lĩnh vực Y tế: 01 TTHC
139.	Xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số
XVIII	Lĩnh vực Văn hóa - Thể thao: 04 TTHC
140.	Xét tặng danh hiệu Gia đình văn hóa hàng năm
141.	Xét tặng Giấy khen Gia đình văn hóa
142.	Thông báo tổ chức lễ hội
143.	Thủ tục công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở
XIX	Lĩnh vực Thư viện: 03 TTHC
144.	Thông báo thành lập thư viện đối với thư viện cộng đồng
145.	Thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện cộng đồng

146.	Thông báo chấm dứt hoạt động thư viện cộng đồng
XX	Lĩnh vực thành lập tổ hợp tác: 03 TTHC
147.	Thông báo thành lập tổ hợp tác
148.	Thông báo thay đổi Tổ hợp tác
149.	Thông báo chấm dứt hoạt động của Tổ hợp tác
XXI	Lĩnh vực Phòng chống thiên tai: 05 TTHC
150.	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai
151.	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh
152.	Đăng ký kê khai số lượng chăn nuôi tập trung và nuôi trồng thủy sản ban đầu
153.	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội.
154.	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội.
XXII	Lĩnh vực Giải quyết tố cáo: 01 TTHC
155.	Thủ tục giải quyết tố cáo
XXIII	Lĩnh vực Khiếu nại: 01 TTHC
156.	Thủ tục Giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp xã
XXIV	Lĩnh vực Tiếp công dân: 01 TTHC
157.	Thủ tục Tiếp công dân tại cấp xã
XXV	Lĩnh vực Xử lý đơn thư: 01 TTHC
158.	Thủ tục xử lý đơn tại cấp xã
XXVI	Lĩnh vực Trồng trọt: 01 TTHC
159.	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa
XXVII	Lĩnh vực Chính quyền địa phương: 01 TTHC liên thông
160.	Thủ tục thẩm định thành lập thôn mới, tổ dân phố mới
XXVIII	Lĩnh vực Việc làm: 01 TTHC liên thông
161.	Hỗ trợ hộ kinh doanh có đăng ký kinh doanh và có trong danh bạ của cơ quan thuế gặp khó khăn do đại dịch COVID-19
XXIX	Lĩnh vực Quy hoạch xây dựng: 01 TTHC liên thông
162.	Cung cấp thông tin về Quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền UBND cấp xã
XXX	Lĩnh vực Khoa học công nghệ và Môi trường: 01 TTHC
163.	Xác nhận hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích
XXXI	Lĩnh vực Môi trường: 02 TTHC
164.	Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường.
165.	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích
XXXII	Lĩnh vực Phí Bảo vệ môi trường: 01 TTHC
166.	Kê khai, thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt
XXXIII	Lĩnh vực Kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn: 01 TTHC
167.	Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng
XXXIV	Lĩnh vực Quân sự: 08 TTHC

168.	Thủ tục đăng ký nghĩa vụ quân sự lần đầu
169.	Thủ tục đăng ký phục vụ trong ngạch dự bị
170.	Thủ tục Đăng ký nghĩa vụ quân sự bổ sung
171.	Thủ tục đăng ký nghĩa vụ quân sự chuyển đi khi thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc, học tập
172.	Thủ tục đăng ký nghĩa vụ quân sự chuyển đến khi thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc, học tập
173.	Thủ tục đăng ký nghĩa vụ quân sự chuyển đến khi thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc, học tập
174.	Thủ tục đăng ký nghĩa vụ quân sự tạm vắng
175.	Thủ tục đăng ký miễn gọi nhập ngũ thời chiến.
XXXV	Lĩnh vực Chính sách (Quân sự): 01 TTHC
176.	Thủ tục giải quyết chế độ hưu trí đối với quân nhân trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước từ ngày 30/4/1975 trở về trước có 20 năm trở lên phục vụ quân đội đã phục viên, xuất ngũ trước ngày 01/04/2000.
177.	Thủ tục giải quyết chế độ hưu trí đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu, nhập ngũ sau ngày 30/4/1975, trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế, có từ đủ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, cơ yếu đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc
178.	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp 1 lần đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân nhập ngũ sau ngày 30/4/1975, trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế, có đủ từ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, cơ yếu đã phục viên xuất ngũ, thôi việc (<i>đối tượng từ trần</i>)
XXXVI	Lĩnh vực Dân quân tự vệ (Quân sự)
179.	Trợ cấp đối với dân quân bị ốm hoặc đối với thân nhân khi dân quân bị ốm dẫn đến chết
180.	Trợ cấp đối với dân quân bị tai nạn hoặc đối với thân nhân khi dân quân bị tai nạn dẫn đến chết.
XXXVII	Lĩnh vực Động viên Quân đội: 02 TTHC
181.	Đăng ký tạm vắng đối với phương tiện kỹ thuật đã sắp xếp trong kế hoạch bổ sung cho lực lượng thường trực của quân đội (<i>chủ phương tiện là cá nhân</i>)
182.	Xóa đăng ký tạm vắng đối với phương tiện kỹ thuật đã sắp xếp trong kế hoạch bổ sung cho lực lượng thường trực của quân đội (<i>chủ phương tiện là cá nhân</i>)